

ĐỒNG KHỞI BẾN TRE VÀ KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG NHỮNG HÌNH THÁI TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1959-1960

TRẦN ĐỨC CƯỜNG*

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam kéo dài 21 năm (1954-1975), phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam ghi một dấu ấn vô cùng sâu sắc, là bước nhảy vọt quan trọng của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, tạo cơ sở vững chắc cho nhân dân miền Nam đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tiến hành chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân chống lại chiến tranh xâm lược của Mỹ và tay sai.

Cho đến nay đã hơn 65 năm trôi qua, kể từ năm 1959 khi các cuộc khởi nghĩa từng phần của nhân dân miền Nam nổ ra ở nhiều nơi, phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam vẫn là niềm tự hào về sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và các cơ sở Đảng miền Nam, về truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường của nhân dân ta chống lại âm mưu chia cắt đất nước Việt Nam của đế quốc Mỹ và tay sai.

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến phong trào Đồng khởi ở miền Nam khởi đầu từ cuối năm 1959 - đầu năm 1960, trong đó, công trình sớm nhất là tác phẩm *“Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới”*,

của Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn (từ Đại hội toàn quốc lần thứ IV, là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam) công bố năm 1970. Trong tác phẩm nổi tiếng này, Lê Duẩn đưa ra khái niệm Đồng khởi - tức các cuộc khởi nghĩa từng phần. Tác giả viết: “Những cuộc “Đồng khởi” nổ ra trong thời gian này đánh dấu một bước nhảy vọt quan trọng, chuyển cách mạng miền Nam sang thế tiến công, phát triển cao trào cách mạng ra khắp miền, với sự kết hợp cả hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự” (1).

Quan điểm trên đây về “Đồng khởi” được người lãnh đạo cao nhất Đảng Lao động Việt Nam (từ năm 1976 đổi tên là Đảng Cộng sản Việt Nam) đưa ra khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam diễn ra vô cùng ác liệt chống lại các thủ đoạn thâm độc và các hành động tàn bạo của kẻ thù. Thực tiễn cuộc kháng chiến cho thấy, các cuộc Đồng khởi nổ ra mà điểm nổi bật là sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, theo đó đấu tranh quân sự là một hình thức đấu tranh cơ bản có tác dụng quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự địch, và do đó đập tan mọi âm mưu quân sự và chính trị của chúng. Không những thế, Đảng còn chủ trương đấu tranh quân sự vẫn luôn kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, hỗ trợ, giúp sức cho quần

*PGS.TS. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

chúng tiếp tục nổi dậy khởi nghĩa. Về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, Lê Duẩn viết: “Đấu tranh chính trị của quần chúng cũng là một hình thức đấu tranh cơ bản có tác dụng quyết định trong tất cả các thời kỳ phát triển của cách mạng miền Nam và đối với sự thành công của cách mạng miền Nam” (2).

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tổng kết các vấn đề lý luận về vai trò của phong trào Đồng khởi và sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị và thực tiễn kháng chiến, tại Đại hội lần thứ IV Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức vào tháng 12 năm 1976 đã nêu rõ: “Vào cuối năm 1959 đầu năm 1960, những cuộc “đồng khởi” đã nổ ra trong những vùng rộng lớn thuộc đồng bằng Nam Bộ và rừng núi miền Trung. Những cuộc *khởi nghĩa từng phần* ấy đã phát triển nhanh chóng, nhất là từ sau chiến thắng Ấp Bắc, thành một cuộc chiến tranh cách mạng vừa đấu tranh quân sự, vừa đấu tranh chính trị, kết hợp đánh địch ở rừng núi và nông thôn đồng bằng với phong trào đấu tranh quyết liệt ở thành thị, đẩy chế độ phát xít tay sai Ngô Đình Diệm đến sụp đổ và làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (3).

Như trên đã nêu, vào cuối năm 1959 đầu năm 1960, trong thế “tức nước vỡ bờ” trước các cuộc khủng bố vô cùng tàn bạo của chính quyền và quân đội Sài Gòn dưới các khẩu hiệu “tố cộng và diệt cộng” chống lại nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân miền Nam về hoà bình và thống nhất đất nước, phong trào đồng khởi đã nổ ra trong những vùng rộng lớn thuộc đồng bằng Nam Bộ và vùng rừng núi miền Trung.

Tại Nam Bộ, dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ và liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ, nhân dân các tỉnh Bến Tre, Long An, Mỹ Tho (Định Tường) nay thuộc Tiền Giang, Kiến Tường (nay thuộc Đồng Tháp),

đã liên tục nổi dậy, thực hiện các cuộc khởi nghĩa từng phần tấn công liên tục vào chính quyền Sài Gòn tay sai Mỹ.

Tại Bến Tre, một địa phương có 600.000 dân sống trên 3 cù lao là cù lao An Hoá, cù lao Minh và cù lao Bảo, vào ngày đầu năm 1960 (1-1-1960) Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng do Phó Bí thư Nguyễn Thị Định triệu tập đã quyết định phát động một tuần lễ nổi dậy đồng loạt trong toàn tỉnh bắt đầu từ ngày 17-1-1960, trong đó, ba xã là Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày được chọn làm điểm... Với sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, chỉ trong một tuần lễ đầu đồng khởi 47 xã trong tỉnh thuộc các huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Ba Tri, Châu Thành, Thạnh Phú đã đồng loạt nổi dậy, trong đó 22 xã được giải phóng hoàn toàn, 25 xã các lực lượng cách mạng giành quyền làm chủ trên 150 ấp, bức hàng, bức rút nhiều đồn bót của quân đội Sài Gòn, thu 150 súng các loại, trừng trị hơn 300 tên điệp...

Cuộc đồng khởi của nhân dân Bến Tre gây chấn động lớn trong toàn vùng, gây nổi hoang mang cho chính quyền và quân đội Sài Gòn buộc chúng phải tập trung một lực lượng hùng hậu gồm 13.000 quân của 2 chiến đoàn, 6 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, lính dù, khinh quân có 70 xe thiết giáp, 17 tàu cùng pháo binh, máy bay tấn công vào huyện Mỏ Cày quyết đè bẹp lực lượng nổi dậy.

Song lực lượng vũ trang cách mạng đã kiên quyết chiến đấu chống lại. Trong 10 ngày đầu chống lại cuộc phản kích của quân đội Sài Gòn kể từ ngày 25-3-1960, lực lượng vũ trang cách mạng đã tiêu diệt hàng trăm tên địch... Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre đã đưa ra chủ trương, phát động phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, tổ chức các cuộc “tán cư ngược” để chống lại các hành động đàn áp, khủng bố của kẻ thù buộc chúng phải chùn tay. Dưới

sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, hàng ngàn rồi hàng vạn quân chúng từ các vùng nông thôn kéo ra thị xã, thị trấn đấu tranh trực diện với chính quyền cấp quận của chế độ Sài Gòn khiến trật tự an ninh bị rối loạn, buộc quân đội Sài Gòn phải rút quân.

Cuộc đồng khởi ở Bến Tre đã tạo nên một hình thức tiến công và nổi dậy rất độc đáo, kết hợp ba hình thức hoạt động là chính trị, quân sự và binh vận trong đó về chính trị đã tận dụng thế hợp pháp của quần chúng, tạo ra một *kiểu đấu tranh* bằng “tán cư ngược” làm thất bại cuộc phản kích quy mô lớn quân đội Sài Gòn (4).

Đồng khởi Bến Tre là một cuộc khởi nghĩa từng phần điển hình ở vùng đồng bằng, có quy mô rộng lớn, diễn ra trên địa bàn một tỉnh Nam Bộ và giành thắng lợi to lớn: đập tan bộ máy kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn ở xã, ấp làm chủ hầu hết vùng nông thôn rộng lớn, mở rộng căn cứ, địa bàn, hành lang, tạo thế liên hoàn giữa các huyện trong tỉnh và giữa các tỉnh ở miền Trung và Tây Nam Bộ.

Thắng lợi của Đồng khởi Bến Tre cung cấp cho cách mạng miền Nam các bài học về phương thức tấn công địch bằng hai chân (chính trị và quân sự) và ba mũi (chính trị, quân sự và binh vận) trong kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Thắng lợi ấy, cùng với thắng lợi của phong trào Đồng khởi của cách mạng miền Nam ở nhiều địa phương khắp miền Nam đã tiến tới quyết định quan trọng được thể hiện qua các Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng vào tháng 1 năm 1961 và tháng 2 năm 1962: chuyển cách mạng giải phóng miền Nam lên giai đoạn mới, phát triển khởi nghĩa từng phần thành cuộc chiến tranh cách mạng với khởi nghĩa quần chúng. Giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đồng thời đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên một bước mới, ngang tầm với đấu tranh chính trị. “Tiến hành đấu tranh

quân sự và đấu tranh chính trị song song, đẩy mạnh đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận” (5). Đây là một tổng kết rất kịp thời, góp phần đưa lý luận về đường lối cách mạng miền Nam tiến lên một tầm cao hơn. Với việc thực hiện phương pháp đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp quân sự chính trị và binh vận, trong kháng chiến các năm 1962-1963, hệ thống ấp chiến lược do Mỹ và chính quyền Sài Gòn xây dựng về cơ bản bị quân và dân miền Nam đánh bại.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và sự chỉ đạo của Xứ ủy, các liên khu ủy, các tỉnh thuộc Tây Nam Bộ gồm Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, Trà Vinh, An Giang, Vĩnh Long và tiếp đó các tỉnh miền Trung và Đông Nam Bộ gồm Mỹ Tho, Long An, Kiến Phong, Kiến Tường, Tây Ninh, Thủ Dầu Một đã đồng thời nổi dậy đập tan chính quyền cơ sở của địch ở nhiều cơ sở, giành quyền làm chủ. Vì vậy, vùng giải phóng ở Nam Bộ được mở rộng theo thế liên hoàn, nối liền nhiều xã, huyện thậm chí các tỉnh trong vùng... Trong các cuộc nổi dậy ấy, cuộc đồng khởi Bến Tre có vị trí quan trọng với quy mô gần như toàn tỉnh và tính chất quyết liệt kết hợp tiến công được cả trên các lĩnh vực chính trị, quân sự và binh vận, giành quyền làm chủ ở nhiều nơi, có tác động cổ vũ phong trào trong toàn huyện, tỉnh và vùng... Cùng thời gian với đồng khởi Bến Tre, tại Bàu Giá (Tây Ninh), thực hiện chỉ thị của Xứ ủy Nam Bộ, Ban quân sự Liên tỉnh miền Đông Nam Bộ bàn việc dùng lực lượng quân sự cách mạng đánh vào căn cứ Tua Hai của địch án ngữ đường 22 từ Sài Gòn đi Kông Pông Chàm (Campuchia) cách Thị xã Tây Ninh 7km. Tua Hai là căn cứ của Trung đoàn 32 quân đội Sài Gòn đồng thời là một trung tâm đào tạo biệt kích của chúng. Đánh vào căn cứ này là một thử thách của các lực lượng vũ trang cách mạng, song diệt

được căn cứ này thì tác dụng của nó tăng lên gấp bội, làm cho chủ lực quân đội Sài Gòn không chỉ ở Tây Ninh mà cả miền Đông Nam Bộ sẽ dao động...

Lực lượng tham gia trận đánh về phía cách mạng có ba đại đội bộ binh, một đại đội đặc công trực thuộc Ban quân sự Miền (gần như toàn bộ lực lượng chủ lực của Miền có lúc bấy giờ cùng lực lượng của địa phương (bộ đội tỉnh Tây Ninh và dân quân, du kích). Trong khi về phía địch, trung đoàn 32 quân đội Sài Gòn ở căn cứ Tua Hai có 1.694 sĩ quan và binh lính.

Trận đánh bắt đầu từ 0 giờ 30 ngày 26 tháng 1 năm 1960. Bị đánh bất ngờ, quân địch rối loạn, 500 binh lính, sĩ quan quân đội Sài Gòn bị diệt, quân đội cách mạng thu được nhiều vũ khí các loại...

Trận Tua Hai là một tấn công đơn thuần về quân sự và đã tiêu diệt được nhiều địch nhất, thu được nhiều vũ khí nhất trong các cuộc tấn công của quân đội cách mạng. Trận Tua Hai đánh dấu bước phát triển mới về trình độ tổ chức, chỉ huy tác chiến của lực lượng vũ trang cách mạng cho đến lúc ấy, là đòn đánh vào ý chí quân đội và chính quyền Sài Gòn và là sự hỗ trợ cho cuộc đồng khởi của nhân dân các tỉnh Nam Bộ, trước hết của nhân dân miền Đông (6).

Trong phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam những năm 1959 và 1960, cùng với đồng khởi Bến Tre, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có vị trí vô cùng quan trọng và mang tính chất tiêu biểu của hình thức kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang ở vùng núi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Quảng Ngãi thuộc liên khu V trong kháng chiến chống Pháp là một vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Quân và dân Quảng Ngãi đã có nhiều đóng góp vào sự nghiệp kháng chiến toàn quốc của nhân

dân cả nước. Trong điều kiện ấy, sau Hiệp định Genève lập lại hoà bình ở Việt Nam, chính quyền Sài Gòn được Mỹ hỗ trợ đã coi Quảng Ngãi là đối tượng để thực hiện các cuộc đàn áp, khủng bố dã man, nhằm chống lại tinh thần cách mạng của nhân dân.

Song, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã thấy rõ âm mưu, thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù, càng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự tồn tại của cách mạng. Tỉnh ủy và nhân dân Quảng Ngãi đã thực hiện chủ trương của Đảng được thể hiện trong Nghị quyết của Bộ Chính trị trong bức điện đề ngày 6 tháng 7 năm 1956 “Về tình hình, nhiệm vụ và công tác miền Nam” gồm các tổ chức Đảng trong đó có Tỉnh ủy Quảng Ngãi, có đoạn: “Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Chúng ta chủ trương duy trì và phát triển các lực lượng vũ trang đó đến một mức độ nhất định, nhưng phải do Đảng lãnh đạo thì mới có thể duy trì và phát triển được” (7).

Sang năm 1957, bản Đề cương cách mạng miền Nam do Lê Duẩn lúc ấy là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ soạn thảo (8-1956) được Tỉnh ủy Quảng Ngãi tiếp thu khẳng định: nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó, không còn con đường nào khác.

Nghị quyết của Bộ Chính trị và Đề cương của Lê Duẩn đã cung cấp cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi cơ sở để xem xét tình hình và đề ra phương hướng tiến lên của phong trào cách mạng trong tỉnh, trước khi tinh thần và văn bản của Nghị quyết 15 được phổ biến tới Quảng Ngãi. Ngay từ ngày 7 tháng 7 năm

1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã mở Đại hội nhân dân bốn dân tộc ở Trà Bồng là Cor, Hre, Ca Dong và Kinh bàn việc chống Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm. Đây là sáng kiến của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, là một “Diễn hồng” thời chống Mỹ (8).

Trong điều kiện tự nhiên của miền Tây Quảng Ngãi có núi rừng hiểm trở, Tỉnh ủy Quảng Ngãi còn gấp rút xây dựng các đơn vị vũ trang tập trung. Đơn vị vũ trang đầu tiên của Quảng Ngãi trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ được thành lập ngày 3 tháng 3 năm 1959 gồm 95 chiến sĩ.

Sau khi có thời gian chuẩn bị lực lượng gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, ngày 28 tháng 8 năm 1959, khởi nghĩa Trà Bồng đã nổ ra ở miền Tây Quảng Ngãi. 16.000 đồng bào các dân tộc huyện Trà Bồng, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và Tỉnh ủy, được các lực lượng vũ trang hỗ trợ đã nổi dậy đánh đổ chính quyền địch, xây dựng chính quyền cách mạng. Lực lượng khởi nghĩa đã quét sạch chính quyền địch ở 16 xã, bức rút 7 đồn, diệt 161 tên địch, làm bị thương hàng trăm tên khác, trừng trị nhiều tên ác ôn có nợ máu với nhân dân. Từ vùng cao Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa lan nhanh đến các huyện miền Tây Quảng Ngãi

như Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Đây là một cuộc khởi nghĩa toàn dân, thu hút đông đảo đồng bào các dân tộc trong tỉnh tham gia. Phụ nữ, trẻ em tham gia vào mạng lưới truyền tin, tiếp tế... Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng giành được thắng lợi. Ngày 3 tháng 9 năm 1959, tại Gò Rô, nhân dân xã Trà Phong huyện Trà Bồng đã mở Đại hội bầu ra Ủy ban Nhân dân tự quản gồm 5 người, trong đó có một phụ nữ người Cor do một già làng làm Chủ tịch. Sau đó, 16 xã vùng cao Tây Quảng Ngãi cũng đã bầu ra Ủy ban Nhân dân tự quản... (9).

Thắng lợi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam, là sự mở đầu thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tiến tới đánh đổ hoàn toàn chính quyền tay sai Mỹ, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Khởi nghĩa Trà Bồng là tấm gương anh dũng vô song của đồng bào các dân tộc trên một vùng rừng núi miền Nam.

Khởi nghĩa Trà Bồng ở khu vực miền Tây Quảng Ngãi cùng với Đồng khởi Bến Tre là những tấm gương điển hình trong phong trào Đồng khởi ở miền Nam trong các năm 1959 và 1960.

CHÚ THÍCH

(1), (2). Lê Duẩn, “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới”, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.51, 53-54.

(3). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.16.

(4). Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập II, (1954-1975)*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.163-165.

(5). Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh Cách mạng Việt Nam 1945-1975, thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.150.

(6). Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, tập II: *Chuyển chiến lược*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.329.

(7). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17 (1956), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.225.

(8). Viện Sử học, (Trần Đức Cường chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, tập 12 từ năm 1954 đến năm 1965*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, tr.254

(9). Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi - Viện Sử học, *Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi sự kiện và ý nghĩa*, Nxb. Khoa học Xã hội, 2009, tr.354, 355.